

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN 8 NĂM HỌC: 2021-2022

TUẦN 8: Từ 25/10/2021 đến 30/10/2021

Tiết 1:

Chia đa thức cho đơn thức

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

1) Phép chia đa thức

Cho A và B là hai đa thức, B khác 0. Ta nói đa thức A chia hết cho đa thức B nếu tìm được một đa thức Q sao cho:

$A = B \cdot Q$ thì ta nói đa thức A chia hết cho đa thức B. Kí hiệu :

$$A : B = Q \quad (Q = \frac{A}{B})$$

A là đa thức bị chia,

B là đa thức chia, $B \neq 0$

Q là đa thức thương

2) Chia đơn thức cho đơn thức :

a/ Qui tắc:

Muốn chia đơn thức A cho đơn thức B (trường hợp A chia hết cho B) ta làm như sau:

- Chia hệ số của đơn thức A cho hệ số của đơn thức B.
- Chia lũy thừa của từng biến trong A cho lũy thừa của cùng biến đó trong B.
- Nhân các kết quả vừa tìm được với nhau.

Nhận xét: Đơn thức A chia hết cho đơn thức B khi mỗi biến của B đều là biến của A với số mũ không lớn hơn số mũ của nó trong A.

Làm ?1, ?2

b/ Áp dụng:

Làm ?3

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

1) Phép chia đa thức:

SGK/ 25

2) Chia đơn thức cho đơn thức :

a/ Qui tắc: SGK/26

?1 Làm tính chia

a/ $x^3 : x^2$

b/ $15x^7 : 3x^2$

c/ $20x^5 : 12x$

?2

a) $15x^2y^2 : 5xy^2$

b) $12x^3y : 9x^2$

b/ Áp dụng:

?3

a) $15x^3y^5z : 5x^2y^3$

b) Cho $P = 12x^4y^2 : (-9xy^2)$. Tính giá trị của biểu thức P tại $x = -3 ; y = 1,005$

Bài 61 trang 27

a/ $5x^2y^4 : 10x^2y$

b/ $\frac{3}{4}x^3y^3 : (-\frac{1}{2}x^2y^2)$

c/ $(-xy)^{10} : (-xy)^5$

III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

Các em làm bài tập 62 trang 27 SGK

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phân B: Trong bài học	1. 2. 3.

Tiết 2:

Chia đa thức cho đơn thức (tt)

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

3) Chia đa thức cho đơn thức

a/ Quy tắc:

?1

-Hãy viết một đa thức có các hạng tử đều chia hết cho $3xy^2$

Chia các hạng tử của đa thức đó cho $3xy^2$

Cộng các kết quả vừa tìm được với nhau

Quy tắc:

Muốn chia đa thức A cho đơn thức B (trường hợp cá hạng tử của đa thức A đều chia hết cho đơn thức B), ta chia mỗi hạng tử của A cho B rồi cộng các kết quả với nhau.

Ví dụ: (SGK)

Giải

$$(30x^4y^3 - 25x^2y^3 - 3x^4y^4) : 5x^2y^3$$

$$= (30x^4y^3 : 5x^2y^3) + (-25x^2y^3 : 5x^2y^3) + (-3x^4y^4 : 5x^2y^3) = 6x^2 - 5 - \frac{3}{5}x^2y$$

Chú ý (SGK)

b/ Áp dụng

?2

a) Bạn Hoa giải đúng.

b) Làm tính chia:

$$(20x^4y - 25x^2y^2 - 3x^2y) : 5x^2y.$$

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

a/ Quy tắc:

?1

$$(15x^2y^5 + 12x^3y^2 - 10xy^3) : 3xy^2$$

b/ Áp dụng:

?2 SGK trang 28

a) Bạn Hoa giải đúng.

b) Làm tính chia:

$$(20x^4y - 25x^2y^2 - 3x^2y) : 5x^2y.$$

Bài tập 64 a,b trang 28 SGK.

III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

Các em làm bài tập:

Bài 64 c trang 28 SGK

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.

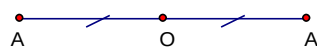
Tiết 3:

Luyện tập đối xứng tâm

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

Học sinh đọc SGK toán 8 tập 1 từ trang 93 đến trang 96 và lưu ý các kiến thức sau:

1. Hai điểm đối xứng nhau qua một điểm



* **Định nghĩa** (SGK trang 93)

A và A' đối xứng nhau qua điểm O $\Leftrightarrow$ O là trung điểm của AA'

* **Qui ước:** Điểm đối xứng với điểm O qua điểm O cũng chính là O.

2. Hai hình đối xứng qua một điểm

Gv hướng dẫn các em tự học

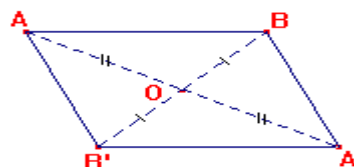
* **Định nghĩa** Hai hình đối xứng nhau qua một điểm O nếu : mỗi điểm thuộc hình này đối xứng với một điểm thuộc hình kia qua điểm O và ngược lại.

* **Bài tập :** Hãy vẽ hai điểm A và B lần lượt đối xứng với hai điểm A' và B' (trường hợp ba điểm A,B,O Không thẳng hàng) .Em có nhận xét gì về hai đoạn thẳng AB và A'B' đối với điểm O

3. Hình có trục đối xứng

* **Định nghĩa:** Điểm O gọi là tâm đối xứng của hình H nếu mỗi điểm đối xứng của một điểm thuộc hình H qua O cũng thuộc hình H.

* **Định lý:** Giao điểm của hai đường chéo hình bình hành là tâm đối xứng của hình bình hành đó



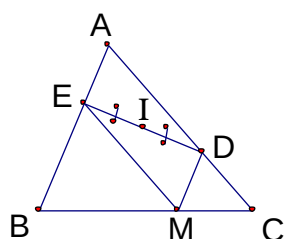
?4 SGK trang 95 Hình 80 Các chữ cái N và S có tâm

đối xứng , chữ cái E không có tâm đối xứng .Hãy tìm thêm vài chữ cái

(kiểu chữ in hoa) có tâm đối xứng

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Bài 53 trang 96 SGK



Ta có

$AB \parallel DM \Rightarrow AE \parallel DM$ (vì $E \in AB$)

$AC \parallel EM \Rightarrow AD \parallel EM$ (vì $D \in AC$)

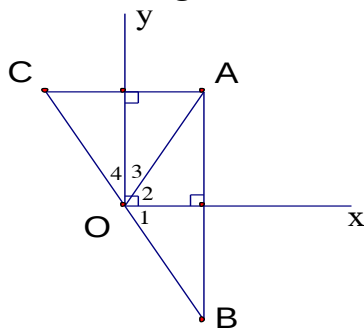
$\Rightarrow ADME$ là hình bình hành

Mà I là trung điểm ED

$\Rightarrow I$ cũng là trung điểm AM

Vậy A và M đối xứng nhau qua I

Bài 54 trang 96 SGK



Ta có

$OA = OB$ (đối xứng nhau qua Ox)

$OA = OC$ (đối xứng nhau qua Oy)

$\Rightarrow OB = OC$ (1)

Mặt khác ta có

$$\begin{aligned} \angle COB &= \angle BOA + \angle AOC \\ &= \angle O_1 + \angle O_2 + \angle O_3 + \angle O_4 \end{aligned}$$

Mà $\angle O_1 = \angle O_2$ (đối xứng nhau qua Ox)

$\angle O_3 = \angle O_4$ (đối xứng nhau qua Oy)

$\Rightarrow \angle COB = 2(\angle O_2 + \angle O_3) = 180^\circ$ (2)

Hay ba điểm O, A, C thẳng hàng (2)

Từ (1) và (2) suy ra điểm B đối xứng với điểm C qua O

III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

Bài 55 SGK trang 96

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phân B: Trong bài học	1. 2. 3.

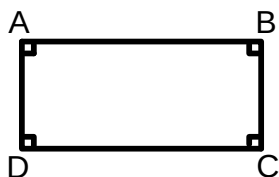
Tiết 4:

Bài 9: Hình chữ nhật

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu

1. Định nghĩa:

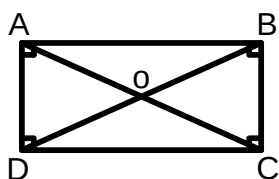
Hình chữ nhật là tứ giác có bốn góc vuông



Tứ giác ABCD là hình chữ nhật

$$\Leftrightarrow \hat{A} = \hat{B} = \hat{C} = \hat{D} = 90^\circ$$

2. Tính chất:



Trong hình chữ nhật hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

3. Dấu hiệu nhận biết

- Tứ giác có ba góc vuông là hình chữ nhật.
- Hình thang cân có một góc vuông là hình chữ nhật.
- Hình bình hành có một góc vuông là hình chữ nhật.
- Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật.

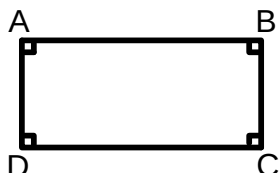
4. Áp dụng vào tam giác

1) Trong tam giác vuông, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền bằng nửa cạnh huyền.

2) Nếu một tam giác có đường trung tuyến ứng với cạnh huyền bằng nửa cạnh huyền thì tam giác ấy là tam giác vuông.

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

1. Định nghĩa: SGK/97



Làm ?1

2. Tính chất: SGK/97

3. Dấu hiệu nhận biết: Làm ?2 SGK/97

4. Áp dụng vào tam giác: Làm ?3, ?4 SGK/99

III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

Bài 60 trang 99

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.